

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-6-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Kiệm
2. Bà Phạm Thị Thu Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị H có mặt; anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2019 và các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29 tháng 02 năm 2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không tin tưởng và đã nhiều lần đánh đập chị. Do đó, từ tháng 5 năm 2019 chị và anh D đã sống ly thân, không quan tâm đến

n nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn anh Nguyễn D nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành pháp luật theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 28, 35, 39, 227, 228, 144, 147, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn D.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017 cho Chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là cháu Nguyễn Thị Tường V mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Vy đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại thời điểm Chị Trần Thị H khởi kiện thì anh Nguyễn D đang cư trú tại thôn V, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ

Đức thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị Trần Thị H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn D tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị H và anh Nguyễn D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 29 tháng 02 năm 2016. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị H và anh Nguyễn D là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của nguyên đơn Chị Trần Thị H thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh D không tin tưởng chị, nhiều lần đánh đập chị. Từ tháng 5 năm 2019 chị và anh D sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần động viên Chị Trần Thị H đoàn tụ với anh D, nhưng Chị H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn anh D. Đối với anh Nguyễn D, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Trần Thị H, không tham gia phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định: Giữa vợ chồng Chị Trần Thị H và anh Nguyễn D có xảy ra nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống; vợ chồng đã sống ly thân trong một thời gian dài, không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đây là một trong những căn cứ để Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn D là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn Chị Trần Thị H trong quá trình giải quyết vụ án, có căn cứ xác định: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn D có 01 con chung là Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017. Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Chị H yêu cầu Tòa án giao con chung Nguyễn Thị Tường V cho chị trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của Chị Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của Chị Trần Thị H thì từ khi cháu Nguyễn Thị Tường V được sinh ra đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con và con vẫn phát triển bình thường. Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án, anh Nguyễn D cũng không có ý kiến, yêu cầu gì về việc nuôi con. Do đó, để ổn định cuộc sống và đảm bảo các quyền lợi khác cho cháu Nguyễn Thị Tường V, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trần Thị H, giao cháu Nguyễn Thị Tường V cho Chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn D phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Xét thấy việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc Chị Trần Thị H yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con là phù hợp, đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Chị H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thu nhập, khả năng thực tế hiện nay của anh D. Tuy nhiên, theo hướng dẫn tại mục 2 phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17-3-1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì “mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”. Ngoài ra, xét chi phí hợp lý cho những nhu cầu thiết yếu hiện nay của người được cấp dưỡng thì việc Chị H yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.000.000đồng là phù hợp, đảm bảo được quyền lợi cho con chung của Chị H và anh D.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Nguyễn D không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí Chị H đã nộp.

Anh Nguyễn D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng cho con.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của Chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn anh Nguyễn D.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn D có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 19 tháng 6 năm 2017. Giao cháu Nguyễn Thị Tường V cho Chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn D có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là cháu Nguyễn Thị Tường V mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 6 năm 2020) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có, anh Nguyễn D không có ý kiến trình bày về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0002522 ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Nguyễn D phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Trần Thị H sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn anh Nguyễn D không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong